

Số: 123/QĐ-DYD

Đà Lạt, ngày 05 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành bộ Chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra Khóa 15
bậc Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ đính kèm đề cương chi tiết

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 175/2004/QĐ - Ttg ngày 01/10/2004 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Yersin Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ - Ttg ngày 14/01/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của trường Đại học Yersin Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định Số 1077/QĐ - UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Yersin Đà Lạt;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT - BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 về việc ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình thẩm định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ;

Căn cứ Kết luận của Ban xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Đào tạo & Khảo thí,

QUYẾT ĐỊNH:

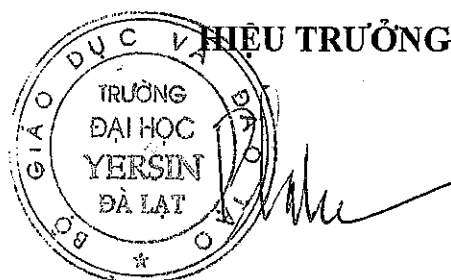
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra Khóa 15 bậc đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ đính kèm đề cương chi tiết gồm 07 ngành (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2018 trở đi.

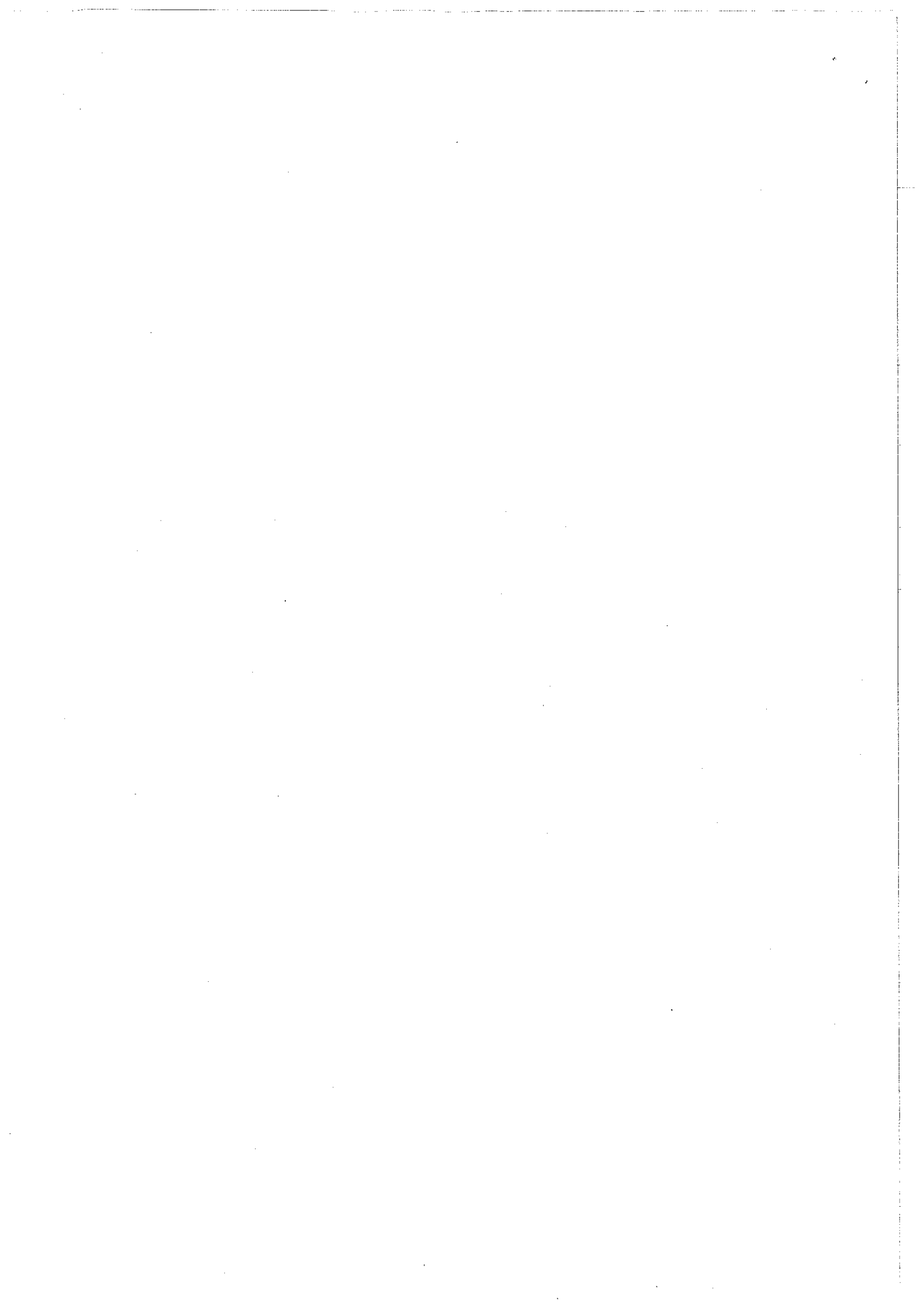
Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng (Phó) phòng, Khoa, Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *KL*

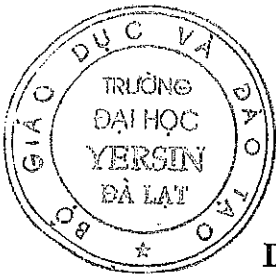
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH;
- Lưu VT, P.QLĐT&KT.



TS. Phạm Đình Trung

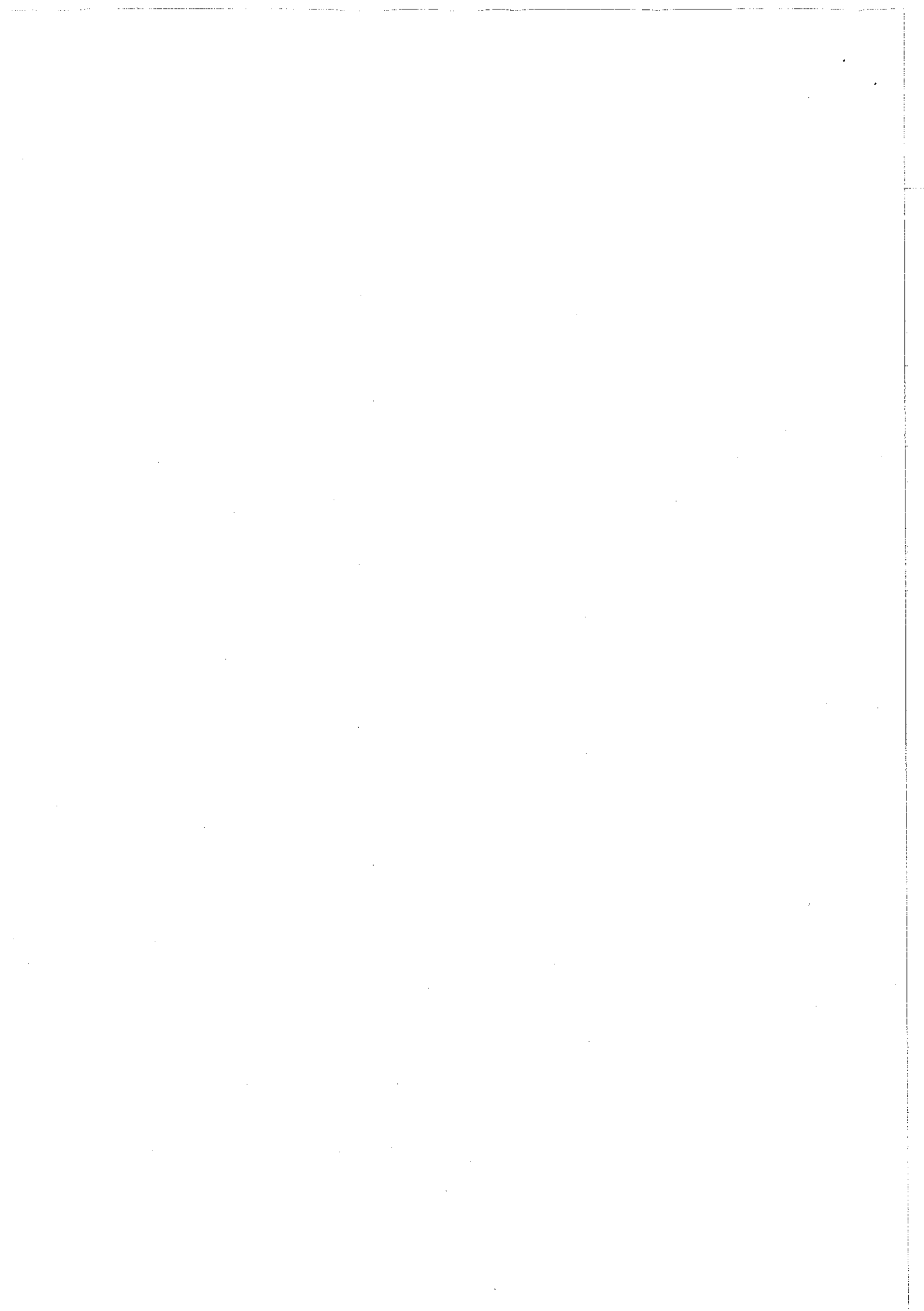




DANH SÁCH CÁC NGÀNH ĐÍNH KÈM QUYẾT ĐỊNH

SỐ: 123/QĐ-DYD NGÀY 05 THÁNG 09 NĂM 2018

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Công nghệ thông tin	7480201
2	Khoa học Môi trường	7440301
3	Công nghệ sinh học	7420201
4	Quản trị kinh doanh	7340101
5	Ngôn ngữ Anh	7220201
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
7	Điều Dưỡng	7720301



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 123 ngày 05 tháng 09 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Tên chương trình	: QUẢN TRỊ KINH DOANH
Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Chuyên ngành đào tạo	: QUẢN TRỊ KINH DOANH - Mã số:
Loại hình đào tạo	: CHÍNH QUY
Khóa	: 2018 - 2021

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh đào tạo các cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng làm việc được trong các doanh nghiệp và tự tạo lập doanh nghiệp mới; có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Kiến thức

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế - xã hội; tin học, ngoại ngữ phù hợp với ngành đào tạo nhằm giúp sinh viên tiếp thu tốt các kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn. Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh như: quản trị doanh nghiệp, marketing, nhân sự, kinh doanh, tài chính... để có thể đảm nhận tốt các công việc ở các bộ phận: tổ chức, marketing, bán hàng, tài chính, kế toán... hoặc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

1.2.2 Kỹ năng

Hướng dẫn và truyền đạt cho sinh viên các kỹ năng cần thiết như: kỹ năng giao tiếp, đàm phán; kỹ năng làm việc hiệu quả, kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh; kỹ năng trình bày văn bản, kỹ năng trả lời phỏng vấn khi xin việc...

1.2.3 Thái độ

Trang bị cho sinh viên những nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp từ đó biết cách vận dụng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp vào trong công việc; biết cách cư xử với những người xung quanh, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

2. Chuẩn đầu ra

Mục tiêu đào tạo của chương trình Quản trị kinh doanh nhằm đáp ứng đầy đủ chuẩn đầu ra sau đây:

2.1 Kiến thức (ký hiệu: K)

Sinh viên ra trường phải có những kiến thức sau:

K1	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội.
K2	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức cơ bản về quản trị như: Quản trị nhân sự, Quản trị tài chính, Quản trị sản xuất, Quản trị marketing...
K3	Biết cách giải quyết các vấn đề chuyên sâu trong quản trị doanh nghiệp như lập kế hoạch kinh doanh, phân tích hoạt động kinh doanh, xây dựng chiến lược kinh doanh, lập kế hoạch marketing...
K4	Biết cách tổ chức và thực hiện các hoạt động kinh doanh như quản lý, điều hành doanh nghiệp; quản lý quá trình sản xuất; quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ; bán hàng và các hoạt động liên quan đến bán hàng như: quảng cáo, phân phối, dự trữ; tổ chức công tác kế toán, nghiệp vụ xuất nhập khẩu...
K5	Có khả năng thu thập và xử lý số liệu định lượng nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định kinh doanh.
K6	Có khả năng nhận diện, thực hiện và xử lý các vấn đề nảy sinh trong kinh doanh, đề xuất các giải pháp giải quyết vấn đề hợp lý.
K7	Có khả năng quản trị và sử dụng nguồn lực tài chính của doanh nghiệp một cách hiệu quả.
K8	Có kiến thức về tài chính, tiền tệ; hiểu biết về sự vận động của tiền tệ trong nền kinh tế.
K9	Góp phần xây dựng và tạo lập văn hóa doanh nghiệp, hoàn thiện môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, nâng cao tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.
K10	Có khả năng trình bày (nói và viết) một cách chuyên nghiệp, trình bày vấn đề rõ ràng, súc tích; trình bày văn bản đúng thể thức và hợp quy.

2.2 Kỹ năng (ký hiệu: S)

2.2.1 Kỹ năng chung

Sinh viên ra trường có các kỹ năng cần thiết sau:

S1	Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm.
S2	Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các môi trường và hoàn cảnh khác nhau.
S3	Đạt trình độ ngoại ngữ đủ để học tập, giao tiếp, làm việc và hội nhập trong môi trường quốc tế.
S4	Có kỹ năng tin học văn phòng.
S5	Có năng lực tự học, tự rèn luyện và tích lũy kinh nghiệm.
S6	Thể hiện kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp.

2.2.2 Kỹ năng chuyên môn

Sinh viên ra trường có các kỹ năng về chuyên môn như sau:

S7	Có kỹ năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề.
S8	Có kỹ năng lãnh đạo và làm việc độc lập.
S9	Có kỹ năng ra quyết định ở cấp cơ sở.
S10	Có kỹ năng về quản trị như hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm tra.
S11	Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp như kỹ năng thiết lập cơ cấu tổ chức, kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng xây dựng và triển khai dự án, kỹ năng quản trị các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp hoặc các tổ chức nhà nước.
S12	Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin theo các phương pháp định tính và định lượng.

2.3 Thái độ (ký hiệu: A)

A1	Có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.
A2	Có tinh thần tuân thủ luật pháp, các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và xã hội.

A3	Thái độ làm việc chuyên nghiệp.
A4	Có tố chất của người làm quản lý, kinh doanh: nhiệt tình, năng động, linh hoạt và thích ứng; thể hiện sự dấn thân, cam kết, ý thức và mong muốn chính đáng tạo ra giá trị gia tăng.
A5	Có tinh thần học tập, cầu tiến nâng cao năng lực chuyên môn.
A6	Có tinh thần hợp tác quốc tế và phát triển cộng đồng.

2.4 Khả năng hội nhập và làm việc

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng đảm nhận những công việc sau:

- Làm việc ở các bộ phận của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế như doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH, các doanh nghiệp trong nước hoặc các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài.
- Làm việc ở các bộ phận thuộc ngân hàng, tổ chức tín dụng.
- Làm việc tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất, thương mại, nhà hàng, khách sạn.
- Tự tạo lập doanh nghiệp, tự kinh doanh.
- Có nền tảng và kiến thức cơ bản để học lên bậc cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ.

3. Thời gian đào tạo: 3 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 tín chỉ (chưa bao gồm 3 tín chỉ Giáo dục thể chất và 7 tín chỉ Giáo dục An ninh quốc phòng).

5. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học bổ túc văn hóa hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1 Quy trình đào tạo: Theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo QĐ số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6.2 Điều kiện tốt nghiệp: Áp dụng theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo, theo đúng quy định tốt nghiệp của Trường.

7. Cách thức đánh giá: Thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và theo đúng quy định Trường.

- Đánh giá môn học: 10% điểm chuyên cần, 30% điểm quá trình, 60% điểm thi kết thúc môn học.

- Các môn học thực hành có thể được đánh giá bằng: 10% điểm chuyên cần, 30% điểm quá trình, 60% điểm bài thu hoạch.

- Điểm môn Thực tập cuối khóa/Khóa luận được đánh giá theo các tiêu chí đánh giá quá trình thực tập và viết báo cáo khoa học.

8. Nội dung chương trình

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Bắt buộc		Tự chọn	
		Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
Kiến thức giáo dục đại cương (không tính GDTC và GDQP)	35	35			
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85	46	26	4	9
- Kiến thức cơ sở ngành	9	6	3		
- Kiến thức ngành	48	29	19		
- Kiến thức chuyên ngành	21	11	4	4	2
- Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế)	7				7
Tổng khối lượng	120	81	26	4	9

Khối lượng kiến thức toàn chương trình được phân bổ cụ thể như sau:

Stt	Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
8.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 35 tín chỉ								
1	91101	Những NLCB	- Kiến thức: Nắm vững những nội dung	2	2			

		CN Mac - Lênin (P1)	<p>ơ bản về CNDV biện chứng, CNDV lịch sử của triết học Mác Lênin, rút ra ý nghĩa phương pháp luận.</p> <p>- Kỹ năng: Có thể giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng vấn đề lý luận và thực tiễn, biết vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành.</p>					
2	91102	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2)	<p>Kiến thức: Nắm vững những nội dung cơ bản Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác Lênin về phương thức sản xuất TBCN và CNXH khoa học.</p> <p>- Kỹ năng: Biết vận dụng vào nhận thức, đánh giá CNTB hiện nay và con đường quá độ đi lên CNXH ở nước ta.</p>	3	3			
3	91105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>- Kiến thức: Nắm vững những nội dung cơ bản của TT HCM về cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng XHCN, về Đảng CS, Nhà nước của dân, do dân, vì dân, về đại đoàn kết dân tộc, về văn hóa và đạo đức cách mạng.</p> <p>- Kỹ năng: Tiếp tục xác lập thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng để nhận thức đường lối cách mạng của Đảng CSVN, có niềm tin vào Đảng,</p>	2	2			

			vào lãnh tụ.					
4	91111	Đường lối CM của Đảng CSVN	<p>- Kiến thức: Nắm được điều kiện ra đời của Đảng CSVN, Cương lĩnh chính trị, đường lối đấu tranh giành chính quyền, đường lối kháng chiến chống TD Pháp và ĐQ Mỹ, đường lối xây dựng và phát triển đất nước của Đảng.</p> <p>- Kỹ năng: Có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bước đầu biết đấu tranh phê phán những quan điểm, tư tưởng sai trái.</p>	3	3			
5	91701	Pháp luật đại cương	<p>- Kiến thức: Giải thích được các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cơ bản trong Chương trình các vấn đề mới về hệ thống pháp luật Việt Nam, một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và một số vấn đề cơ bản về luật pháp quốc tế. Trình bày được các nội cơ bản trong các bài học, biết liên hệ thực tiễn và ứng dụng kiến thức vào cuộc sống.</p> <p>- Kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học vào xử lý các vấn đề liên quan trong cuộc sống. Phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày.</p>	2	2			

6	01402	Khởi nghiệp	<p>- Kiến thức: Sinh viên được trang bị tinh thần khởi nghiệp, biết cách thực hiện các ý tưởng kinh doanh, biết tổ chức, quản lý doanh nghiệp, biết tiếp cận các nguồn vốn kinh doanh, am hiểu thủ tục hồ sơ cần thiết khi khởi nghiệp.</p> <p>- Kỹ năng: lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng phân tích thị trường.</p>	2	2			
7	71171	Tiếng Anh 1	<p>- Kiến thức: Sinh viên nắm vững kiến thức tiếng Anh chuẩn B1 Âu châu....</p> <p>- Kỹ năng: thực hành giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ trung cấp (trình độ B1 Âu châu).....</p>	3	3			
8	71172	Tiếng Anh 2	<p>- Kiến thức: Sinh viên nắm vững kiến thức tiếng Anh chuẩn B1 Âu châu....</p> <p>- Kỹ năng: thực hành giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ trung cấp (trình độ B1 Âu châu).....</p>	3	3			
9	71173	Tiếng Anh 3	<p>- Kiến thức: Sinh viên nắm vững kiến thức tiếng Anh chuẩn B1 Âu châu....</p> <p>- Kỹ năng: thực hành giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ trung cấp (trình độ B1 Âu</p>	3	3			

			châu).....					
10	71174	Tiếng Anh 4	- Kiến thức: Sinh viên nắm vững kiến thức tiếng Anh chuẩn B1 Âu châu.... - Kỹ năng: thực hành giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ trung cấp (trình độ B1 Âu châu).....	3	3			
11	71175	Tiếng Anh 5	- Kiến thức: Sinh viên nắm vững kiến thức tiếng Anh chuẩn B1 Âu châu.... - Kỹ năng: thực hành giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ trung cấp (trình độ B1 Âu châu).....	3	3			
12	71176	Tiếng Anh 6	- Kiến thức: Sinh viên nắm vững kiến thức tiếng Anh chuẩn B1 Âu châu.... - Kỹ năng: thực hành giao tiếp tiếng Anh trình độ sơ trung cấp (trình độ B1 Âu châu).....	3	3			
13	11106	Tin học văn phòng	- Kiến thức: Nắm vững và vận dụng các kiến thức về phần mềm Office - Kỹ năng: Soạn thảo văn bản, bảng tính, trình chiếu. Sử dụng Internet. Sửa chữa căn bản máy tính.	3	3			
14	91161	Giáo dục thể chất 1	- Kiến thức: Nắm rõ các kiến thức cơ bản và nâng cao về nội	(1)		(1)		

			<p>dung và phương pháp tập luyện TDTT, kỹ năng vận động và nâng cao kỹ thuật của môn Điền kinh.</p> <p>- Kỹ năng: Hoàn thiện kỹ năng chạy - nhảy.</p>					
15	91162	Giáo dục thể chất 2	<p>- Kiến thức: Thực hiện được cơ bản các kỹ thuật chơi bóng chuyền và các môn bóng khác. Biết luật chơi, nâng cao thể lực.</p> <p>- Kỹ năng: Chơi được các môn thể thao thông qua các bài tập kỹ thuật, biết phối hợp nhóm tập luyện.</p>	(1)		(1)		
16	91163	Giáo dục thể chất 3	<p>- Kiến thức: Có kiến thức cơ bản về kỹ thuật, luật thi đấu môn Bóng chuyền, một số các môn thể thao khác. Đồng thời sv phát huy tính chủ động, tích cực và năng khiếu thể thao.</p> <p>- Kỹ năng: Chơi tốt môn bóng chuyền, tham gia thi đấu. Chơi được các môn thể thao khác.</p>	(1)		(1)		
17	91151	Giáo dục Quốc phòng 1	<p>- Kiến thức: Cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an</p>	(2)		(2)		

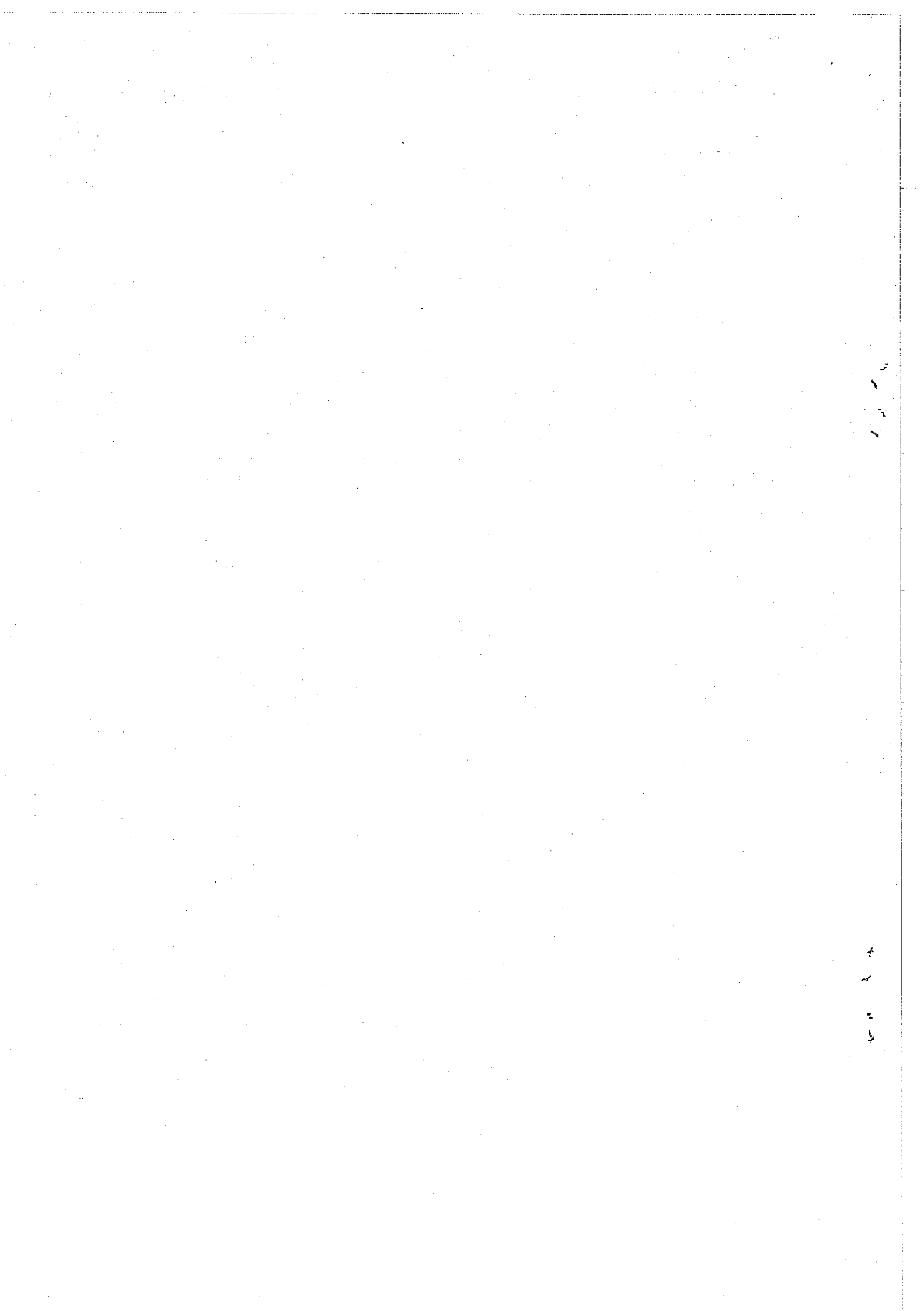
			<p>ninh nhân dân.</p> <p>- Kỹ năng: Rèn luyện một số kỹ năng quân sự cần thiết, tác phong sống nề nếp, tập thể và kỷ luật.</p>				
18	91152	Giáo dục Quốc phòng 2	<p>- Kiến thức: Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.</p> <p>- Kỹ năng: Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự, biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh thường dùng</p>	(2)		(2)	
19	91153	Giáo dục Quốc phòng 3	<p>- Kiến thức: Cung cấp kiến thức chung về quân sự.</p> <p>- Kỹ năng: Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn</p>	(2)		(2)	
20	91154	Giáo dục Quốc phòng 4	<p>- Kiến thức: Cung cấp kiến thức chung về quân, binh chủng; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>- Kỹ năng: Cùng cố thêm kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự, biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh thường dùng</p>	(1)		(1)	

Tổng số tín chỉ:				35	35			
8.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 85 tín chỉ								
8.2.1 Kiến thức cơ sở ngành: 9 tín chỉ								
21	41405	Kinh tế vi mô	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về kinh tế học, quy luật cung cầu, người tiêu dùng và thị trường. - Kỹ năng phân tích thị trường. 	3	2	1		
22	41406	Kinh tế vĩ mô	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu kiến thức cơ bản về thị trường, các công cụ kinh tế vĩ mô nhằm điều chỉnh kinh tế quốc gia. - Kỹ năng phân tích. 	3	2	1		
23	41635	Kinh tế quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết kinh tế thế giới, lợi ích liên kết kinh tế, vận động của tiền tệ giữa các nước. - Kỹ năng phân tích. 	3	2	1		
8.2.2 Kiến thức ngành: 48 tín chỉ								
24	41201	Quản trị học	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu chức năng, vai trò, kỹ năng, yêu cầu của nhà quản trị. Môi trường quản trị, mô hình và hình thức ra quyết định quản trị. - Kỹ năng giải quyết và xử lý tình huống. 	3	2	1		
25	41404	Hành vi tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết, duy trì và phát triển quan 	3	3			

			<p>hệ giữa người lao động với tổ chức; điều chỉnh thái độ, hành vi phù hợp với mục tiêu mà tổ chức theo đuổi. Tổ chức điều chỉnh để người lao động gắn bó, cống hiến và phát triển năng lực.</p> <p>- Trang bị các kỹ năng như kỹ năng giải thích, dự đoán, kiểm soát...</p>					
26	41211	Marketing căn bản	<p>- Hiểu biết chức năng, vai trò của marketing, thị trường, và marketing mix.</p> <p>- Kỹ năng phân tích, ra quyết định.</p>	3	2	1		
27	41208	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	<p>- Hiểu sự vận động của tiền tệ; hệ thống tài chính; các công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế.</p> <p>- Kỹ năng phân tích</p>	2	1	1		
28		Kỹ năng hành chính văn phòng	<p>-Hoạch định, tổ chức, kiểm tra công việc hành chính văn phòng, thu thập thông tin, xử lý các nghiệp vụ văn phòng.</p> <p>-Kỹ năng soạn thảo các loại văn bản</p>	3	2	1		
29	41401	Nguyên lý kế toán	<p>-Hiểu biết tổng quan về kế toán, các báo cáo, tài khoản và cách ghi sổ, tính giá các đối</p>	3	2	1		

			<p>trọng kế toán.</p> <p>-Kỹ năng sử dụng máy tính, ghi sổ sách, kiểm kê chứng từ.</p>					
30	41605	Quản trị nhân sự	<p>-Nắm bắt tổng quát về quản trị nhân sự, các hoạt động cơ bản của quản trị nhân sự.</p> <p>-Kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giao tiếp.</p>	3	1	2		
31	01401	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	<p>- Kiến thức: Hướng dẫn sinh viên từng công việc cụ thể từ khi chọn đề tài, lập chương trình làm việc, tìm tài liệu, khai thác tài liệu và trình bày một báo cáo khoa học đúng quy cách.</p> <p>- Kỹ năng: Kỹ năng tổng hợp, phân tích số liệu, kỹ năng sử dụng phần mềm nghiên cứu, kỹ năng viết báo cáo khoa học.</p>	3	2	1		
32	41612	Quản trị tài chính doanh nghiệp	<p>-Có kiến thức về quản trị tài chính như báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính, quản trị vốn lưu động, đầu tư dài hạn, giá trị tiền theo thời gian.</p> <p>-Kỹ năng đọc và phân tích báo cáo, kỹ năng lập kế hoạch tài chính, tính toán dòng tiền.</p>	3	2	1		

33	41617	Quản trị sản xuất và điều hành	<p>-Nắm bắt quy trình sản xuất, dự báo nhu cầu, hoạch định kế hoạch sản xuất, quản trị hàng dự trữ, bố trí mặt bằng trong doanh nghiệp.</p> <p>-Kỹ năng lập kế hoạch sản xuất.</p>	3	2	1		
34	41517	Quản trị chất lượng	<p>-Hiểu biết các phương pháp, kỹ thuật, công cụ quản trị chất lượng;</p> <p>các hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, phương pháp quản trị chất lượng toàn diện - TQM.</p> <p>-Kỹ năng kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.</p>	2	1	1		
35		Môi trường và an toàn lao động	<p>-Hiểu biết các điều kiện về an toàn và vệ sinh môi trường lao động, các biện pháp kiểm soát và bảo đảm an toàn lao động.</p> <p>-Biết cách lập kế hoạch quản lý an toàn và xây dựng môi trường lao động.</p>	2	1	1		
36	41556	Nghệ thuật giao tiếp và đàm phán	<p>-Biết các bước chuẩn bị, tiến hành một cuộc thương lượng, đàm phán; biết nghệ thuật trong giao tiếp, đàm phán.</p>	3	2	1		



			<p>lãnh đạo lực lượng bán hàng, tuyển chọn và huấn luyện lực lượng bán hàng, thù lao và khuyến khích lực lượng bán hàng.</p> <p>-Kỹ năng đánh giá, tuyển chọn nhân viên bán hàng.</p>					
41	41746	Quản trị marketing	<p>-Hệ thống các hoạt động marketing theo cách tiếp cận quản trị và chiến lược, vai trò của marketing đối với thành công của tổ chức.</p> <p>-Kỹ năng phân tích môi trường marketing, kỹ năng truyền thông và chuyển giao giá trị.</p>	3	2	1		

8.2.3 Kiến thức chuyên ngành: 21 tín chỉ

Khóa luận/thực tập cuối khóa và các môn thay thế: 7 tín chỉ

42	41751	Tin học quản lý chuyên ngành	<p>-Biết cách quản trị cơ sở dữ liệu, nắm bắt các phần mềm quản lý.</p> <p>-Kỹ năng sử dụng các phần mềm quản lý.</p>	2	1	1		
43	41701	Quản trị chiến lược		3	3	0		
44	41602	Kế toán quản trị	<p>- Biết các báo cáo kế toán quản trị; quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; phân tích biến động doanh thu - chi phí; định</p>	3	2	1		

			<p>giá bán sản phẩm; quyết định đầu tư.</p> <p>-Kỹ năng lập báo cáo kế toán quản trị, phân tích, xử lý số liệu.</p>					
45	41769	Lập kế hoạch kinh doanh	<p>-Biết trình bày kế hoạch kinh doanh, phân tích các số liệu trong kế hoạch.</p> <p>-Kỹ năng lập kế hoạch, phân tích, tổng hợp số liệu.</p>	2	1	1		
46	41806	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	<p>-Hiểu biết văn hóa tổ chức, ứng xử trong kinh doanh; trách nhiệm xã hội và đạo đức của doanh nghiệp.</p> <p>-Kỹ năng giao tiếp, ứng xử.</p>	2	2			
47	41711	Phân tích hoạt động kinh doanh	<p>-Hiểu cơ sở lý thuyết phân tích hoạt động kinh doanh; phân tích kết quả hoạt động kinh doanh; phân tích các dự án đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.</p> <p>-Kỹ năng phân tích báo cáo.</p>	3	2	1		
48	41505	Thuế	<p>-Hiểu biết kiến thức về các loại thuế, phí, lệ phí trong kinh doanh.</p> <p>-Kỹ năng lập tờ khai thuế, hồ sơ hoàn thuế, tờ khai quyết toán thuế.</p>	2	2			

49	41621	Thanh toán quốc tế	<p>-Hiểu biết các nghiệp vụ hối đoái trên thị trường hối đoái, các phương thức thanh toán quốc tế, các phương tiện thanh toán quốc tế.</p> <p>-Kỹ năng lập các chứng từ thanh toán quốc tế, phân tích tỷ giá hối đoái.</p>	2	2			
50	41623	Kế toán doanh nghiệp	<p>-Hiểu các báo cáo kế toán, tài khoản và cách ghi sổ, hạch toán kế toán trong doanh nghiệp sản xuất.</p> <p>-Kỹ năng lập báo cáo, lưu trữ chứng từ, ghi sổ kế toán.</p>	3	2	1		Tự chọn
51	41716	Nghiệp vụ ngoại thương	<p>-Hiểu biết các nghiệp vụ vận tải, bảo hiểm hàng hóa; các thủ tục trong kinh doanh xuất nhập khẩu.</p> <p>-Kỹ năng soạn thảo hợp đồng, phân tích rủi ro.</p>	3	2	1		Tự chọn
52	41645	Ngân hàng thương mại	<p>-Nắm bắt các hoạt động, các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại.</p> <p>-Kỹ năng xử lý các nghiệp vụ, kỹ năng sử dụng phần mềm trong ngân hàng.</p>	3	2	1		Tự chọn
53	41771	Marketing kỹ thuật số	<p>-Biết tổng quan về marketing kỹ thuật số, tầm quan trọng của marketing kỹ</p>	3	2	1		Tự chọn

			<p>thuật số, các hoạt động cơ bản của marketing kỹ thuật số.</p> <p>-Kỹ năng phân tích, định vị thị trường, xây dựng chiến lược marketing kỹ thuật số.</p>					
54	41773	Kinh doanh bất động sản	<p>-Hiểu tổng quan về kinh doanh bất động sản, môi giới bất động sản, marketing trong môi giới bất động sản; Biết cách tổ chức đàm phán và ký kết hợp đồng.</p> <p>-Kỹ năng khảo sát thị trường, soạn thảo hợp đồng, đàm phán trong môi giới.</p>	3	2	1		Tự chọn
55	41888	Thực tập cuối khóa	<p>-Giúp sinh viên hệ thống lại các kiến thức đã học thông qua đề tài thực tập; vận dụng lý thuyết vào thực tiễn nơi thực tập.</p> <p>-Kỹ năng tìm hiểu, thu thập, xử lý số liệu; kỹ năng quan sát, nhận định, đánh giá vấn đề; kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong doanh nghiệp.</p>	3		3		
56	91999	Khóa luận tốt nghiệp	<p>-Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức đã học và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận.</p>	7		7		

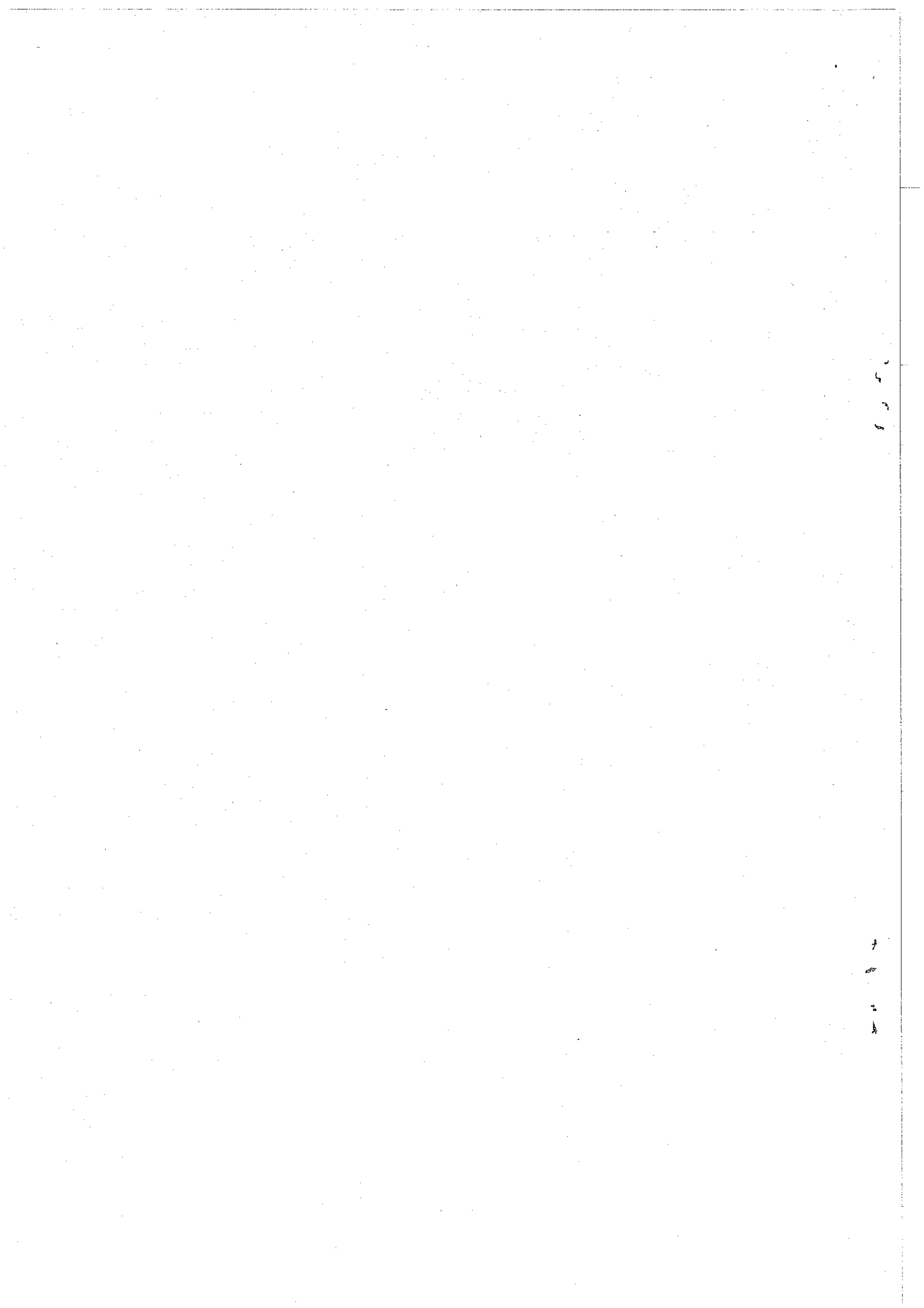
			<p>Rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề, giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo.</p> <p>-Trang bị kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng phân tích, kỹ năng xử lý vấn đề, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng viết báo cáo khoa học.</p>					
Tổng số tín chỉ:				85	50	35		

9. Kế hoạch giảng dạy (K15)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tích lũy	Đã học và thi
HỌC KỲ 1: TIẾNG ANH								
1	71171	Tiếng Anh 1	3	3				
2	71172	Tiếng Anh 2	3	3				
3	71173	Tiếng Anh 3	3	3				
4	71174	Tiếng Anh 4	3	3				
5	71175	Tiếng Anh 5	3	3				
6	71176	Tiếng Anh 6	3	3				
Tổng số tín chỉ			18	18	0			

HỌC KỲ 2: ĐẠI CƯƠNG VÀ CƠ SỞ NGÀNH								
1	41201	Quản trị học	3	2	1			
2	41211	Marketing căn bản	3	2	1			
3	91161	Giáo dục thể chất 1	(1)					
4	91701	Pháp luật đại cương	2	2				
5	41401	Nguyên lý kế toán	3	2	1			
6	11106	Tin học văn phòng	3	3				
Tổng số tín chỉ (không tính GDTC)			14	11	3			
HỌC KỲ 3: THỰC HÀNH MARKETING								
1	41302	Quản trị bán hàng	2	1	1			
2	41304	Quản trị marketing	3	1	2			
3	41306	Hành vi người tiêu dùng	2	1	1			
4	41308	Nghiên cứu thị trường	3	1	2			
Tổng số tín chỉ			10	4	6			
HỌC KỲ 4: ĐẠI CƯƠNG VÀ CƠ SỞ NGÀNH								
1	01402	Khởi nghiệp	2	2				
2	41405	Kinh tế vi mô	3	2	1			
3	41208	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	2	1	1			
4	91162	Giáo dục thể chất 2	(1)					
5	41404	Hành vi tổ chức	3	3				
6	91101	Những NLCB CN Mác - Lênin (HP1)	2	2				
7		Nghiệp vụ hành chính văn phòng	3	2	1			
8	41442	Luật kinh doanh	2	2				

6	91101	Những NLCB CN Mác - Lênin (HP1)	2	2				
7		Nghiệp vụ hành chính văn phòng	3	2	1			
8	41442	Luật kinh doanh	2	2				
Tổng số tín chỉ (không tính GDTC)			17	14	3			
HỌC KỲ 5: ĐẠI CƯƠNG VÀ CƠ SỞ NGÀNH								
1	41635	Kinh tế quốc tế	3	2	1			
2	91163	Giáo dục thể chất 3	(1)					
3	41556	Nghệ thuật giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	3	2	1			
4	91102	Những NLCB CN Mác - Lênin (P2)	3	3				
5	41406	Kinh tế vĩ mô	3	2	1			
6	41612	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	2	1			41208
7	91151	Giáo dục quốc phòng 1	(2)	(2)				
8	91152	Giáo dục quốc phòng 2	(2)	(2)				
9	91153	Giáo dục quốc phòng 3	(2)	(2)				
10	91154	Giáo dục quốc phòng 4	(1)	(1)				
Tổng số tín chỉ (không tính GDTC, GDQP)			15	11	4			
HỌC KỲ 6: THỰC HÀNH QUẢN TRỊ								
1	41606	Quản trị nhân sự	3	1	2			
2	41607	Môi trường và an toàn lao động	2	1	1			
3	41618	Quản trị sản xuất và điều hành	3	2	1			41201
4	41517	Quản trị chất lượng	2	1	1			41201
Tổng số tín chỉ			10	5	5			



khóa luận)							
HỌC KỲ 9: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP							
1	41888	Thực tập cuối khóa*	3		3		
2	91999	Khóa luận tốt nghiệp	7		7		
Tổng số tín chỉ (sinh viên không làm khóa luận)			3		3		
Tổng số tín chỉ (sinh viên làm khóa luận)			7		7		

Ghi chú: Sinh viên làm khóa luận không học 3 môn có đánh dấu (*)

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

STT	Họ và tên	Năm sinh	Bằng cấp	Môn giảng
1	Võ Hoàng Anh	1967	Thạc sĩ Kinh tế	- Quản trị Marketing - Nghiên cứu thị trường - Môi trường và an toàn lao động
2	Bạch Ngọc Hoàng Ánh	1975	Thạc sĩ QTKD	- Nguyên lý kế toán - Quản trị tài chính doanh nghiệp - Kế toán doanh nghiệp - Kế toán quản trị
3	Nguyễn Phúc Thọ	1979	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	- Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ - Kinh tế quốc tế - Thanh toán quốc tế

				- Phân tích hoạt động kinh doanh
4	Đặng Ngọc Thủy Tiên	1987	Thạc sĩ QTKD	- Kinh tế vi mô - Tin học quản lý chuyên ngành - Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh
5	Phan Vũ Dung Vân	1981	Thạc sĩ QTKD	- Quản trị học - Hành vi tổ chức - Lập kế hoạch kinh doanh
6	Nguyễn Thị Kim Yến	1984	Thạc sĩ QTKD	- Marketing căn bản - Quản trị bán hàng - Hành vi người tiêu dùng - Quản trị nhân sự
7	Trịnh Thị Hà	1986	Thạc sĩ QTKD	-Kinh tế vĩ mô
8	Hoàng Thị Phương Thảo	1985	Thạc sĩ QTKD	-Quản trị chất lượng
Giảng viên mời giảng				
9	Vũ Quốc Anh			-Nghệ thuật giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh
10	Lê Phước Hùng		Tiến sĩ Kinh tế	-Nghiệp vụ hành chính văn phòng
11	Nguyễn Hữu Hồng	1965	Thạc sĩ Luật	-Luật kinh doanh -Pháp luật đại cương
12	Phan Hiển Minh		Tiến sĩ Kinh tế	-Thuế

13	Lữ Bá Văn		Tiến sĩ QTKD	-Nghịệp vụ ngoại thương -Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh
14	Tôn Thất Hiệp	1975	Thạc sĩ QTKD	-Ngân hàng thương mại
15	Võ Thị Khiết		Thạc sĩ QTKD	-Kinh doanh bất động sản
16	Ngô Bình	1972	Thạc sĩ Marketing	-Marketing kỹ thuật số
17	Phạm Văn Nam		Thạc sĩ QTKD	-Quản trị chiến lược

11. Danh sách cố vấn học tập

1. Võ Hoàng Anh
2. Dương Ngọc Lang
3. Phan Vũ Dung Vân
4. Nguyễn Thị Kim Yến
5. Nguyễn Phúc Thọ

12. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

12.1 Phòng học, phòng máy tính và thư viện

- Phòng học: 20 phòng
- Phòng máy: 3 phòng
- Thư viện: 1

12.2 Giáo trình

STT	Tên môn học	Tên giáo trình	Thông tin
1	Quản trị học	Quản trị học	Quản trị học, Nguyễn Thị Liên Diệp (2010), NXB Lao động TP.

			HCM
2	Marketing căn bản	Marketing căn bản	Marketing căn bản, Trần Minh Đạo (2013), NXB ĐH Kinh tế Quốc dân
3	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán, Phan Văn Dũng (2015), NXB Thống Kê
4	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng, Bùi Văn Danh (2012), NXB Thống Kê
5	Quản trị Marketing	Quản trị Marketing	Quản trị Marketing, Lê Thế Giới và cộng sự (2011), NXB Tài chính
6	Hành vi người tiêu dùng	Hành vi người tiêu dùng	Hành vi người tiêu dùng, Vũ Huy Thông (2010), NXB ĐH KT QD
7	Nghiên cứu thị trường	Nghiên cứu thị trường	Nghiên cứu Thị trường, Nguyễn Đình Thọ (2011), NXB Lao động
8	Kinh tế vi mô	Kinh tế vi mô	Kinh tế vi mô, Lê Bảo Lâm (2017), NXB Kinh tế TP. HCM
9	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	Lý thuyết tài chính tiền tệ, Sử Đình Thành (2010), NXB Thống kê
10	Hành vi tổ chức	Hành vi tổ chức	Hành vi tổ chức, Bùi Anh Tuấn (2012), NXB ĐH KT QD
11	Lập kế hoạch kinh doanh	Lập kế hoạch kinh doanh trong 1 giờ	Lập kế hoạch kinh doanh trong 1 giờ, John McAdam (2017), dịch Nguyễn Tư Thắng, NXB Hồng Đức.

12	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế, Đỗ Đức Bình (2013), NXB ĐH Kinh tế quốc dân
13	Nghệ thuật giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh	Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong KD, Thái Trí Dũng (2011), NXB Lao động – Xã hội
14	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô, Nguyễn Thị Như Ý (2014), NXB Kinh tế TP. HCM
15	Quản trị nhân sự	Quản trị nhân sự	Quản trị Nhân sự, Nguyễn Hữu Thân (2015), NXB Thống kê
16	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	Quản trị hành chính văn phòng	Quản trị hành chính văn phòng, Nguyễn Hữu Thân (2014), NXB Lao động – Xã hội
17	Quản trị sản xuất và điều hành	Quản trị sản xuất và dịch vụ	Quản trị sản xuất và dịch vụ, Đồng Thị Thanh Phương (2014), NXB Lao động – Xã hội
18	Quản trị chất lượng	Quản trị chất lượng	Quản trị chất lượng, Nguyễn Kim Định (2008), NXB Đại Học Quốc Gia Tp. HCM
19	Luật kinh doanh	Luật kinh doanh	Luật kinh doanh, Đặng Công Tráng (2015), NXB ĐH Công nghiệp TP. HCM
20	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Quản trị tài chính căn bản	Quản trị tài chính căn bản, Nguyễn Quang Thu (2015), NXB Thống kê
21	Thuế	Thuế	Thuế, Nguyễn Thị Mỹ Linh (2012), NXB Kinh tế TP. HCM

22	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế, Thân Tôn Trọng Tín (2009), NXB Lao động – Xã hội
23	Môi trường và an toàn lao động	An toàn lao động và môi trường công nghiệp	An toàn lao động và môi trường công nghiệp, Hoàng Trí (2013), NXB Đại học Quốc gia TP.HCM
24	Phân tích hoạt động kinh doanh	Phân tích hoạt động kinh doanh	Phân tích hoạt động kinh doanh, Phạm Văn Dược (2012), NXB Kinh tế TP.HCM
25	Tin học quản lý chuyên ngành	Bài giảng Tin học quản lý	Bài giảng Tin học quản lý, Dương Trần Đức-Phạm Hùng Thế (2017)
26	Kế toán quản trị	Kế toán quản trị	Kế toán quản trị, Phạm Văn Dược (2014), NXB Lao Động
27	Kế toán doanh nghiệp	Kế toán tài chính	Kế toán tài chính, Võ Văn Nhị (2015), NXB Phương Đông
28	Nghiệp vụ ngoại thương	Nghiệp vụ ngoại thương	Nghiệp vụ ngoại thương, Đỗ Quốc Dũng (2015), NXB Tài chính
29	Ngân hàng thương mại	Quản trị ngân hàng thương mại	Quản trị ngân hàng thương mại, Nguyễn Văn Tiến (2007), NXB Thống kê
30	Marketing kỹ thuật số	Tiếp thị 4.0 dịch chuyển từ truyền thống sang công nghệ số	Tiếp thị 4.0 dịch chuyển từ truyền thống sang công nghệ số, Philip Kotler (2015), NXB Trẻ
31	Kinh doanh bất động sản	Kinh doanh bất động sản	Kinh doanh bất động sản, Nguyễn Thế Phán (2012), Đại học Kinh tế Quốc dân
32	Văn hóa doanh nghiệp và đạo	Đạo đức kinh doanh và	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh

	đức kinh doanh	văn hóa doanh nghiệp	ngiệp, Nguyễn Mạnh Quân (2005), NXB Lao động – Xã hội
33	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược, Lê Thế Giới và cộng sự (2016), NXB Dân Trí
34	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang (2011), NXB Thống kê.

13. Cơ sở xây dựng chương trình và hướng dẫn thực hiện

13.1 Cơ sở xây dựng chương trình

Chương trình ngành Quản trị kinh doanh được cải tiến và xây dựng theo khung chương trình giáo dục đại học, khối ngành Kinh tế - Quản trị Kinh doanh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có tham khảo thêm chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của một số trường đại học trong và ngoài nước như sau:

- Trường Đại học Chiao Tung (Taiwan)
- Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
- Trường Đại học Hoa Sen
- Trường Đại học Bách khoa TP.HCM
- Trường Đại học Mở TP.HCM
- Đại học Đà Lạt
- Đại học Kinh tế - Tài chính

Nội dung so sánh, đối chiếu với các chương trình tham khảo được trình bày cụ thể trong phần Phụ lục.

13.2 Hướng dẫn thực hiện

- Căn cứ kế hoạch giảng dạy trong chương trình đào tạo, trước mỗi học kỳ cố vấn học tập hướng dẫn sinh viên đăng ký học phần.

- Phần nội dung chương trình gồm kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn. Ngoài phần kiến thức bắt buộc, sinh viên được lựa chọn học phần tự chọn theo hướng dẫn trong chương trình. Học phần tự chọn có thể thay đổi hàng năm để cập nhật và đáp ứng kịp thời yêu cầu thay đổi của xã hội.

- Môn học được giảng dạy theo Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt và được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

- Tiết giảng được quy đổi như sau: 1 tín chỉ = 15 tiết lý thuyết

= 30 tiết thực hành

= 30 giờ chuẩn bị cá nhân

- Điều kiện tốt nghiệp: bao gồm các điều kiện sau:

+ Tích lũy đủ 120 tín chỉ (không kể 10 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

+ Điểm trung bình tích lũy: đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm chữ quy đổi)

+ Chuẩn đầu ra Tiếng Anh: đạt trình độ B1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

- Chương trình này có tính liên thông, sau khi tốt nghiệp đại học sinh viên có thể học lên bậc học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ.

P. Trưởng khoa



ThS. Bạch Ngọc Hoàng Ánh

Hiệu trưởng



TS. Phan Đình Trung